

INTAKE FORM (Two Copies)
MAU DON VE LY-LICH

HỒ SƠ BỒ LÚC

NAME (Ten Tu-nhan) : NGUYỄN DINH KHANG
Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten gọi)

DATE, PLACE OF BIRTH : 04 15 1929
(Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam) : nam Female (Nu) : _____

MARITAL STATUS Single (Doc than) : _____ Married (Co lap gia dinh) : X
(Tinh trang gia dinh)

ADDRESS IN VIETNAM : Số nhà 67/11 Bui Đình Túy, phường 12
(Dia chi tai Viet-Nam) Quận Bình Thạnh - Tp Hồ Chí Minh.

POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong) : Yes (Co) X No (Khong) _____
If Yes (Neu co) : From (Tu) : 5.5.1975 To (Den) : 20.11.1982

PLACE OF RE-EDUCATION: Ty công an Phú Khánh - Trại cải tạo A.30
CAMP (Trai tu)

PROFESSION (Nghe nghiep) : Sĩ quan thành tra sư đoàn 22 bộ binh

EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My) : Có
VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac) : chiều tá 1975
VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu) : _____ Date (nam) : _____

APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP) : Yes (Co) : _____
IV Number (So ho so) : _____
No (Khong) : X

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo) : 6 người
(Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi t:

MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN) : 67/11 Bui Đình Túy
phường 12 - Quận Bình Thạnh - Tp Hồ Chí Minh

NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguoi Bao tro) : _____

U.S. CITIZEN (Quoc tịch Hoa-Ky) : Yes (co) : _____ No (Khong) : _____

RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN) : _____

NAME & SIGNATURE : _____
ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT
(Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay) _____

DATE : _____
Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) :

(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
1) Nguyễn Đình Khang	15-04-1929	Husband (Thai Lan)
2) Nguyễn Thị Liễu	15-04-1936	Wife
3) Nguyễn Thị Hải Đường	19-05-1959	Daughter
4) Nguyễn Đình Khuê	20-04-1961	Son
5) Nguyễn Thị Hồng Cúc	19-10-1962	Daughter
6) Nguyễn Trung Sơn	25-10-1964	Son
7) Nguyễn Thị Chu Thủy	01-06-1966	Daughter

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

ADDITIONAL INFORMATION :

- 2 giấy ra trại
- mỗi người 2 khai sinh
- mỗi người 2 hình 4x6
- 2 giấy sống chung
- 2 hồ sơ báo tức
- 1 đơn xin cứu xét

INTAKE FORM (Two Copies)
MAU DON VE LY-LICH

HỒ SƠ BỒ TÚC

NAME (Ten Tu-nhan) : NGUYỄN ĐÌNH KHANG
Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)
DATE, PLACE OF BIRTH : 04 15 1928
(Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (ngay) Year (Nam)

SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam) : Nam Female (Nu) : _____

MARITAL STATUS Single (Doc than : _____ Married (Co lap gia dinh) : X
(Tinh trang gia dinh) :

ADDRESS IN VIETNAM : Số nhà 67/11 Bui Dinh Cui, phường 12
(Dia chi tai Viet-Nam) Quận Bình Chánh - Tp Hồ Chí Minh

POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong) : Yes (Co) X No (Khong) _____

If Yes (Neu co) : From (Tu) : 5.5.1975 To (Den) : 20.11.1982

PLACE OF RE-EDUCATION: Ty công an Phú Khánh - Trại cải tạo A.30
CAMP (Trai tu)

PROFESSION (Nghe nghiep) : Sĩ quan thành tra sư đoàn 22 Bộ binh

EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My) : Có

VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac) : chiếu tá 1975

VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu) : _____ Date (nam) : _____

APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP) : Yes (Co) : _____

IV Number (So ho so) : _____

No (Khong) : X

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo) : 6 người
(Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day cu chi t:

MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN) : _____

67/11 Bui Dinh Cui, phường 12, Q. Bình Chánh, Tp Hồ Chí Minh

NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Người Bao tro) : _____

U.S. CITIZEN (Quoc tịch Hoa-Ky) : Yes (co) : _____ No (Khong) : X

RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN) : _____

NAME & SIGNATURE : _____

ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT

(Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay) _____

DATE : _____

Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) :

(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
1) Nguyễn Đình Khang	15-04-1929	Husband (Thái Lan)
2) Nguyễn Thị Lương	15-04-1936	Wife
3) Nguyễn Thị Hải Dương	19-05-1959	Daughter
4) Nguyễn Đình Khuê	20-04-1961	Son
5) Nguyễn Thị Hồng Cúc	19-10-1962	Daughter
6) Nguyễn Trung Sơn	25-10-1964	Son
7) Nguyễn Thị Chu Thủy	01-06-1966	Daughter

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

ADDITIONAL INFORMATION :

- 2 giấy ra trại
- mỗi người 2 khai sinh
- mỗi người 2 hình 4x6
- 2 giấy sống chung
- 2 Hồ sơ bổ túc
- 1 đơn cứu xét

Cộng hòa - Xã hội - chủ nghĩa - Việt nam
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.

ĐƠN XIN CỨU XÉT.

Kính gửi: Bà Khuê Minh Thư

Hội trưởng hội gia đình tù nhân chính trị Việt Nam

Tôi tên là: Dương Thị Lương.

Sinh năm: 15-04-1936.

Quê quán: Cao Lao - Quảng Trạch - Quảng Bình.

Nơi ở hiện nay: 67/11 Bưu Điện Tuyến - phường 12.
quận Bình Thạnh - T.p Hồ Chí Minh.

Dân tộc: Kinh.

Tôn giáo: Thiên chúa giáo.

Nghề nghiệp: Nội trợ (già yếu).

Tôi xin trình bày một việc như sau:

Chồng tôi là: Nguyễn Đình Khang là sĩ quan chế độ cũ, cấp bậc: thiếu tá.

Vào tháng 04-1990 chồng tôi đã đứng tên nộp hồ sơ xin xuất cảnh theo diện HO, nhưng trong thời gian chờ đợi, chồng tôi lăm lăm muốn cho chui ghe tàu ở Đồng Tháp. Đến tháng 07-1990 thì tôi nhận được tin của chồng tôi ở: V-38 - khu S trong khu C - PO. Box 18 - Phanat - Nakhon - CHONBURY - 20-140 - Thái Lan. Chồng tôi cho biết trong thời gian bị chui ghe chở băng qua Campuchia rồi đến biên giới Thái Lan và chồng tôi bị chính phủ Thái Lan đưa vào trại tỵ nạn.

Vậy tôi lăm lăm đơn này kính gửi Bà xem xét, giúp đỡ, tạo điều kiện cấp LƠI cho tôi và các con để được xuất cảnh qua nước Hoa Kỳ, cũng (chồng tôi hiện đang ở Thái Lan) sớm định cư đoàn tụ gia đình.

Trong khi chờ đợi sự chấp thuận của Bà, tôi xin chân thành cảm ơn Bà.

T.p HCM Ngày 10/9/1990. Người làm đơn.

Lương

Dương Thị Lương

GIẤY RA TRẠI

— Căn cứ chỉ thị số: 316/TTg ngày 22-8-1977 của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư liên Bộ Nội Vụ — Quốc phòng số: 07/ITLB ngày 29-12-1977 về việc xét tha đối tượng là sĩ quan, binh lính và nhân viên ngày quyền ở các tỉnh phía Nam hiện đang bị TTGDCT do Trại cải tạo A1 Công an Tỉnh Phú Khánh quản lý

— Căn cứ quyết định số: 661/UB 19.6 1982 UBND Tỉnh Phú Khánh
Quyết định tha đối tượng chịu cải tạo ra khỏi trại.

1 — Nay cấp giấy ra trại cho anh, chị có tên sau đây:

— Họ và tên: Nguyễn Đình Khang — Bí danh: _____

— Họ tên thường gọi: _____

— Sinh ngày: 15 tháng 4 năm 1929

— Sinh quán: Hướng Phương - Quảng Trạch - Quảng Bình

— Trú quán: Nghĩa tử - Cầu Lộ - Cầu Lộ - Cầu Lộ - Phú Khánh

— Quốc tịch: Việt Nam — Dân tộc: Hinh

— Tôn giáo: Thiên Chúa — Đảng phái: _____

— Cấp bậc, chức vụ trước khi bị TTCT: Chiến tá - Sĩ quan thanh

tra vũ đoàn 22 Đà Nẵng

— Ngày bị bắt hoặc TTCT: 5.5.1975

— Nay về cư trú tại: Tân Quới - Tân Thới - Tam Nông

Đông Tháp

2 — Khi về địa phương đường sự phải xuất trình Quyết định này với Ủy ban nhân dân địa phương biết để làm các thủ tục cần thiết: đăng ký hộ khẩu, sắp xếp công việc làm ăn, làm đầy đủ nghĩa vụ người công dân, và phải thi hành lệnh quản chế thời gian 12 tháng.

Phú Khánh, ngày 20 tháng 11 năm 1982.

Lưu tay ngón trở phải

Họ, tên, chữ ký
người được cấp giấy

BAN GIÁM THỊ
Giám thị trưởng



Trình báo số:

Lưu tại:

Trần Đức Thanh

Số 4337 /GRT

GIẤY RA TRẠI

— Căn cứ chỉ thị số: 316/TTg ngày 22-8-1977 của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư liên Bộ Nội Vụ — Quốc phòng số: 07/TTLB ngày 29-12-1977 về việc xét tha đối tượng là sĩ quan, binh lính và nhân viên ngay quyền ở các tỉnh phía Nam hiện đang bị TTGDCT do Trại cải tạo A1 Công an Tỉnh Phú Khánh quản lý

— Căn cứ quyết định số: 661/UB 19.6 1982 UBND Tỉnh Phú Khánh
Quyết định tha đối tượng chịu cải tạo ra khỏi trại.

1 — Nay cấp giấy ra trại cho anh, chị có tên sau đây:

— Họ và tên: Nguyễn Đình Khang — Bí danh:

— Họ tên thường gọi:

— Sinh ngày 15 tháng 4 năm 1929

— Sinh quán: Hướng phường - Quảng Trạch - Quảng Bình

Trú quán: Nghĩa Đức - Cam Lộ - Cam Ranh - Phú Khánh

— Quốc tịch: Việt Nam — Dân tộc: Kinh

— Tôn giáo: Thiên Chúa — Đảng phái:

— Cấp bậc, chức vụ trước khi bị TTCT: Chiến tá - Sĩ quan thanh tra vũ đoàn 22 Đà Nẵng

— Ngày bị bắt hoặc TTCT: 5.5.1975

— Nay về cư trú tại: Tân Quới - Tân Thới - Tam nông - Đông Tháp

2 — Khi về địa phương đường sự phải xuất trình Quyết định này với Ủy ban nhân dân địa phương biết để làm các thủ tục cần thiết: đăng ký hộ khẩu, sắp xếp công việc làm ăn, làm đầy đủ nghĩa vụ người công dân, và phải thi hành lệnh quản chế thời gian 12 tháng.

Phú Khánh, ngày 20 tháng M năm 1982

Lấn tay ngón trở phải

Họ, tên, chữ ký
người được cấp giấy

BAN GIÁM THỊ
Giám thị trưởng



Phanh bốn số:

Lấp tại:

Trần Đức Khanh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc
-----oOo-----

((7 I Á Y X Á C N H Ì N S Ó N G C H U N G))

U.B.N.D Phường Thuận Lộc , Thành Phố Huế .

Chứng nhận : ông Nguyễn đình Khang

Sinh năm : 15 - 04 - 1929 .

Quốc tịch : Hương Phong - Quảng Trạch - Quảng Bình .

Hiện trú tại: 67/II Bãi đình Tây , Phường 12 Q. Bình Thạnh
Thành Phố Hồ Chí Minh .

Và bà Dương thị Lương Sinh năm 15 - 04 - 1936 .

Quốc tịch : Cao Lao - Quảng Trạch - Quảng Bình .

Hiện trú tại: 67/II Bãi đình Tây P. 12 Q. Bình Thạnh
Thành Phố Hồ Chí Minh .

Đã sống chung và có 5 người con tại số nhà 184/3 Phường
Thuận Lộc , Thành Phố Huế từ năm 1957 đến 1967 .

(()) Ủy U.B.N.D Phường xác nhận giấy này để đương sự tiến
dụng ./.

/-/uế , ngày 19 tháng 04 năm 1990

T/ UBND Phường Thuận Lộc

CHỦ TỊCH



Nguyễn Ngọc Đoàn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc
-----000000-----

((7 I Á Y X Á C N H H N S Ó N G C H U N G))

U.B.N.D Phường Thuận Lộc , Thành Phố Huế .

Chứng nhận : ông Nguyễn Đình Khang

Sinh năm : 15 - 04 - 1929 .

Quê quán : Hương Phong - Quảng Trạch - Quảng Bình .

Hiện trú tại: 67/II Bàu dĩnh Tây , Phường 12 Q. Bình Thạnh
Thành Phố Hồ Chí Minh .

Và bà Dương Thị Lương Sinh năm 15 - 04 - 1936 .

Quê quán : Cao Lao - Quảng Trạch - Quảng Bình .

Hiện trú tại: 67/II Bàu dĩnh Tây P. 12 Q. Bình Thạnh
Thành Phố Hồ Chí Minh .

Đã sống chung và có 5 người con tại số nhà 184/3 Phường
Thuận Lộc , Thành Phố Huế từ năm 1957 đến 1967 .

(()) Ủy U.B.N.D Phường xác nhận giấy này để đương sự tiện
dùng ./.

/-/uố , ngày 19 tháng 04 năm 1990

TM/ UBND Phường Thuận Lộc

CHỦ TỊCH



Nguyễn Ngọc Dân

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP.HCM

Số

94

Quận

03

Xã phường Thuận Lộc

Phước, Quận Huế

Tỉnh, Thành phố T.T. Huế



GIẤY KHAI SINH

Họ và tên NGUYỄN THỊ HU THOY Nam hay Nữ Nữ

Ngày, tháng, năm sinh 01 - 06 - 1966 (Ngày mạt + hóng sáu nam mệ chín sáu sáu)

Nơi sinh Thuận Lộc, Thừa Thiên Huế

Dân tộc Kinh Quốc tịch Việt Nam

Phân khai về cha, mẹ	Người mẹ	Người cha
Họ và tên	Dương + hi Lương	Nguyễn Đình Khang
Tuổi	1936	1929
Dân tộc	Kinh	Kinh
Quốc tịch	Việt Nam	Việt Nam
Nghề nghiệp	nhà + rợ	Giáo viên
Nơi thường trú	67/11 Bùi Đình Túy P.12 Q. Bình Thạnh H.C.M	67/11 Bùi Đình Túy P.12 Q. Bình Thạnh H.C.M

Họ tên, tuổi, nơi thường trú, số giấy chứng minh của người đứng khai

Nguyễn thị Hồng Cúc . 1962

67/11 Bùi Đình Túy P.12 Q. Bình Thạnh H.C.M

Người đứng khai ký

Hongcuc

Nguyễn thị Hồng Cúc

Đăng ký ngày 19 tháng 4 năm 1970

T/M ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH



Đoàn

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TPHT

Số

Quyển

Xã phường Thuận Lộc

Huyện, Quận

Tỉnh, Thành phố T. T. Huế



GIẤY KHAI SINH

Họ và tên..... NGUYỄN VĂN HUY..... Nam hay Nữ.....
 Ngày, tháng, năm sinh 01 - 06 - 1966 (Ngày mạt + hóng sáu nam mạt chín sáu sáu)
 Nơi sinh..... Thuận Lộc, Thừa Thiên Huế
 Dân tộc..... Kinh..... Quốc tịch..... Việt Nam

Phân khai về cha, mẹ	Người mẹ	Người cha
Họ và tên	Dương + hi, Lương	Nguyễn Đình Khang
Tuổi	1936	1929
Dân tộc	Kinh	Kinh
Quốc tịch	Việt Nam	Việt Nam
Nghề nghiệp	nhà + rợ	Gi. l. n.
Nơi thường trú	67/11 Bùi Đình Túy P.12 Q. Bình Thạnh H.C.M	67/11 Bùi Đình Túy P.12 Q. Bình Thạnh H.C.M

Họ tên, tuổi, nơi thường trú, số giấy chứng minh của người đứng khai

Nguyễn thị Hằng Cúc . 1962

67/11 Bùi Đình Túy P.12 Q. Bình Thạnh H.C.M

Người đứng khai ký

Nguyễn thị Hằng Cúc

Đăng ký ngày 19 tháng 4 năm 1990

T/M ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH



Đoàn

ỦY BAN NHÂN DÂN
Xã phường Thuận Lộc
Huyện, Quận Huế
Tỉnh, Thành phố T.T Huế

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TPHT
Số 93
Quyển 03



GIẤY KHAI SINH

Họ và tên NGUYỄN TRUNG SƠN Năm hay Xr Nam
Ngày, tháng, năm sinh 25 - 10 - 1964 (Ngày hai mươi lăm tháng mười năm một nghìn sáu trăm bốn mươi bốn)
Nơi sinh Thuận Lộc, Thừa Thiên Huế
Dân tộc Kinh Quốc tịch Việt Nam

Phân khai về cha, mẹ	Người mẹ	Người cha
Họ và tên	Dương Thị Lương	Nguyễn Đình Khang
Tuổi	1936	1929
Dân tộc	Kinh	Kinh
Quốc tịch	Việt Nam	Việt Nam
Nghề nghiệp	Nội trợ	Giáo viên
Nơi thường trú	67/11 Bình Định Tuy P.12 Q. Bình Thạnh H.C.M	67/11 Bình Định Tuy P.12 Q. Bình Thạnh HCM

Họ tên, tuổi, nơi thường trú, số giấy chứng minh của người đứng khai

Nguyễn Thị Hồng Cúc, 1962
67/11 Bình Định Tuy P.12 Q. Bình Thạnh H.C.M

Người đứng khai ký

Hồng Cúc

Nguyễn Thị Hồng Cúc

Đăng ký ngày 19 tháng 4 năm 1990

T/M ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Ngọc Đoàn

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TPHT

Xã phường Thuận Lộc

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số

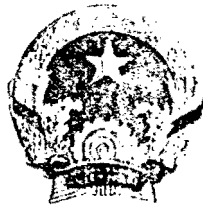
93

Huyện, Quận Huế

Quyển

03

T.T. Huế



GIẤY KHAI SINH

Họ và tên: NGUYỄN TRUNG SƠN Năm hay từ Nam
 Ngày, tháng, năm sinh: 25 - 10 - 1964 (Ngày hai mươi lăm tháng mười năm một chín sáu bốn)
 Nơi sinh: Thuận Lộc, Thôn Thiên Huế
 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam

Phân khai về cha, mẹ	Người mẹ	Người cha
Họ và tên:	Dương Thị Lương	Nguyễn Đình Khang
Tuổi:	1936	1929
Dân tộc:	Kinh	Kinh
Quốc tịch:	Việt Nam	Việt Nam
Nghề nghiệp:	Nội trợ	Cán bộ
Nơi thường trú:	67/11 Bình Định Tuy P.12 Q. Bình Thạnh H.C.M	67/11 Bình Định Tuy P.12 Q. Bình Thạnh HCM

Họ tên, tuổi, nơi thường trú, số giấy chứng minh của người đứng khai

Nguyễn Thị Hồng Cúc, 1962
 67/11 Bình Định Tuy P.12 Q. Bình Thạnh H.C.M

Người đứng khai ký

Nguyễn Thị Hồng Cúc

Đăng ký ngày 19 tháng 4 năm 1990

T/M ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Ngọc Đoàn

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TỈNH

Xã phường Thuận Lộc

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số

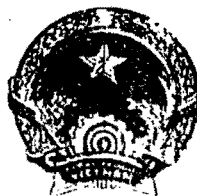
92

Huyện, Quận Huế

Quyển

03

Thị trấn, Thành phố T.T. Huế



GIẤY KHAI SINH

Họ và tên: NGUYỄN THỊ HỒNG CÚC Năm hay Nữ: NỮ
 Ngày, tháng, năm sinh: 19 - 10 - 1962 (Ngày mười chín tháng mười năm một chín sáu hai)
 Nơi sinh: Thuận Lộc, Thừa Thiên Huế
 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam

Phân khai về cha, mẹ	Người mẹ	Người cha
Họ và tên	Dương + hĩ Lương	Nguyễn Đình Khang
Tuổi	1936	1929
Dân tộc	Kinh	Kinh
Quốc tịch	Việt Nam	Việt Nam
Nghề nghiệp	nội trợ	Gia lao
Nơi thường trú	67/11 Bùi Đình Túy P.12 Q. Bình Thạnh H.C.M	67/11 Bùi Đình Túy P.12 Q. Bình Thạnh H.C.M

Họ tên, tuổi, nơi thường trú, số giấy chứng minh của người đứng khai

Nguyễn thị Hồng Cúc, 1962

67/11 Bùi Đình Túy P.12 Q. Bình Thạnh H.C.M

Người đứng khai ký

Hồng Cúc

NGUYỄN THỊ HỒNG CÚC

Đăng ký ngày 19 tháng 4 năm 1990

T/M ỦY BAN NHÂN DÂN



Nguyễn Đình

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỈNH

Số

92

Quận

03

Xã phường Thuận Lộc

Huyện, Quận Huế

Tỉnh, Thành phố T.T Huế



GIẤY KHAI SINH

Họ và tên NGUYỄN THỊ HỒNG CÚC Nam hay Nữ Nữ
 Ngày, tháng, năm sinh 19 - 10 - 1962 (Ngày mười chín tháng mười năm một chín sáu hai)
 Nơi sinh Thuận Lộc, Thừa Thiên Huế
 Dân tộc Kinh Quốc tịch Việt Nam

Phân khai về cha, mẹ	Người mẹ	Người cha
Họ và tên	Dương + hĩ Lương	Nguyễn Đình Khang
Tuổi	1936	1929
Dân tộc	Kinh	Kinh
Quốc tịch	Việt Nam	Việt Nam
Nghề nghiệp	nội trợ	Giáo viên
Nơi thường trú	67/11 Bùi Đình Túy P.12 Q. Bình Thạnh H.C.M	67/11 Bùi Đình Túy P.12 Q. Bình Thạnh H.C.M

Họ, tên, tuổi, nơi thường trú, số giấy chứng minh của người đứng khai

Nguyễn thị Hồng Cúc, 1962

67/11 Bùi Đình Túy P.12 Q. Bình Thạnh H.C.M

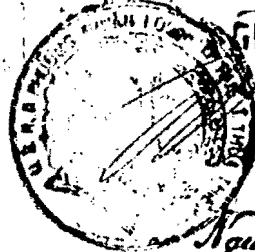
Người đứng khai ký

Hongcuc

NGUYỄN THỊ HỒNG CÚC

Đăng ký ngày 19 tháng 4 năm 1990

T/M ỦY BAN NHÂN DÂN



GIỮ TỊCH

Nguyễn Đình

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP.HCM

Số 91
Quyển 03

Xã phường Thuận Lộc

Phườn, Quận Hố

Đinh, Thành phố T.T Hố



GIẤY KHAI SINH

Họ và tên NGUYỄN ĐÌNH KHUÊ Nam hay Nữ Nam
 Ngày, tháng, năm sinh 20.4.1961 (Ngày hai mươi tháng tư năm một nghìn sáu trăm sáu mươi mốt)
 Nơi sinh Thuận Lộc, Thành Thiên Hố
 Dân tộc Kinh Quốc tịch Việt Nam

Phân khai về cha, mẹ	Người mẹ	Người cha
Họ và tên	DƯƠNG THỊ LƯƠNG	NGUYỄN ĐÌNH KƯƠNG
Tuổi	1936	1929
Dân tộc	Kinh	Kinh
Quốc tịch	Việt Nam	Việt Nam
Nghề nghiệp	Nội trợ	Giáo viên
Nơi thường trú	67/11 Bùi Đình Túy P.12 Q. Bình Thạnh H.C.M	67/11 Bùi Đình Túy P.12 Q. Bình Thạnh H.C.M

Họ tên, tuổi, nơi thường trú, số giấy chứng minh của người đứng khai

Nguyễn Thị Hồng Cúc, 1962

67/11 Bùi Đình Túy P.12 Q. Bình Thạnh H.C.M

Người đứng khai ký

Nguyễn Thị Hồng Cúc

Nguyễn Thị Hồng Cúc

Đã ký ngày 19 tháng 4 năm 1990

T/M ỦY BAN NHÂN DÂN



Nguyễn Văn Đoàn

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

T/M

Xã phường Thuận Lộc

Số

91

Phuyện, Quận Huế

Quyển

03

Tỉnh, Thành phố T.T Huế



GIẤY KHAI SINH

Họ và tên NGUYỄN ĐÌNH KHUÊ Nam hay Nữ Nam
 Ngày, tháng, năm sinh 20-4-1961 (Ngày hai mươi tháng tư năm một nghìn sáu trăm sáu mươi mốt)
 Nơi sinh Thuận Lộc, Thị Thiên Huế
 Dân tộc Kinh Quốc tịch Việt Nam

Phân khai về cha, mẹ	Người mẹ	Người cha
Họ và tên	DUYÊN THỊ LƯƠNG	NGUYỄN ĐÌNH KHUÊ
Tuổi	1936	1929
Dân tộc	Kinh	Kinh
Quốc tịch	Việt Nam	Việt Nam
Nghề nghiệp	Nội trợ	Giáo viên
Nơi thường trú	67/11 Bùi Đình Túy P.12 Q. Bình Thạnh H.C.M	67/11 Bùi Đình Túy P.12 Q. Bình Thạnh H.C.M

Họ tên, tuổi, nơi thường trú, số giấy chứng minh của người đứng khai

Nguyễn Thị Hồng Cúc, 1962

67/11 Bùi Đình Túy P.12 Q. Bình Thạnh H.C.M

Người đứng khai ký

Nguyễn Thị Hồng Cúc

Đăng ký ngày 19 tháng 4 năm 1990

T/M ỦY BAN NHÂN DÂN



Nguyễn Văn Đức

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Xã phường **THUẬN LỘC**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Huyện, Quận **HUẾ**

Tỉnh, Thành phố **T. T. Huế**

TP. H.

Số

Quyển

90
03



GIẤY KHAI SINH

Họ và tên **NGUYỄN THỊ HAI - ĐƯƠNG** Nam hay Nữ **NỮ**
 Ngày, tháng, năm sinh **19-5-1959** (Ngày mười chín, tháng năm, năm **mười chín lăm chín**)
 Nơi sinh **Thuận Lộc, Thừa Thiên - Huế**
 Dân tộc **Kinh** Quốc tịch **Việt Nam**

Phân khai về cha, mẹ	Người mẹ	Người cha
Họ và tên	ĐƯƠNG THỊ LƯƠNG	NGUYỄN ĐÌNH KHANG
Tuổi	1936	1929
Dân tộc	Kinh	Kinh
Quốc tịch	Việt Nam	Việt Nam
Nghề nghiệp	Nội trợ	Giáo viên
Nơi thường trú	67/11 Bùi Đình Túy P.12 Q. Bình Thạnh H.C.M	67/11 Bùi Đình Túy P.12 Q. Bình Thạnh H.C.M

Họ tên, tuổi, nơi thường trú, số giấy chứng minh của người đứng khai
Nguyễn thị Hồng Cúc, 1962
67/11 Bùi Đình Túy P.12 Q. Bình Thạnh H.C.M

Đáng ký ngày **19** tháng **4** năm 19**90**

Người đứng khai ký

Nguyễn Thị Hồng Cúc

NGUYỄN THỊ HỒNG CÚC



CHỦ TỊCH

Đoàn

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TP.H

Xã phường **THUẬN LỘC**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số

90

Phuyện, Quận **HUE**

Quyển

03

Tỉnh, Thành phố **T. T. Huế**

GIẤY KHAI SINH

Họ và tên **NGUYỄN THỊ HAI - DƯƠNG** Nam hay Nữ **NỮ**
 Ngày, tháng, năm sinh **19-5-1959** (Ngày mười chín, tháng năm, năm **mười chín lăm chín**)
 Nơi sinh **Thuận Lộc, Thừa Thiên - Huế**
 Dân tộc **Kinh** Quốc tịch **Việt Nam**

Phân khai về cha, mẹ	Người mẹ	Người cha
Họ và tên	DƯƠNG THỊ LƯƠNG	NGUYỄN ĐÌNH KHANG
Tuổi	1936	1929
Dân tộc	Kinh	Kinh
Quốc tịch	Việt Nam	Việt Nam
Nghề nghiệp	Nhà máy	Giáo viên
Nơi thường trú	67/11 Bùi Đình Túy P.12 Q. Bình Thạnh H.C.M	67/11 Bùi Đình Túy P.12 Q. Bình Thạnh H.C.M

Họ tên, tuổi, nơi thường trú, số giấy chứng minh của người đứng khai

Nguyễn thị Hồng Cúc, 1962**67/11 Bùi Đình Túy P.12 Q. Bình Thạnh H.C.M**Đã ký ngày **19** tháng **4** năm **1990**

Người đứng khai ký

T/M ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH**NGUYỄN THỊ HỒNG CÚC**



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 220256434

Họ tên: DƯƠNG THỊ LƯƠNG

Sinh ngày: 15-4-1936

Nguyên quán: quảng trạch

Bình trị thiên

Nơi thường trú: Cam Đức

Cam ranh, Phú Khánh



Dân tộc:

kinh

Tôn giáo:

T. chúa giáo



NGÓN TRỎ TRÁI



NGÓN TRỎ PHẢI

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

Sọc thẳng d2cm c4cm
trên sau đầu lông
mày phải.

Ngày 1 tháng 01 năm 1976

KT/C... CÔNG TY CÔNG AN



TRƯỞNG

TV

Đài



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 220256434

Họ tên DƯƠNG THỊ LƯƠNG

Sinh ngày 15-4-1936

Nguyên quán quảng trạch

Bình tri thiên

Nơi thường trú Cam đư

Cam ranh, Phú Khánh



Dân tộc:

kinh

Tôn giáo:

T. chúa giáo

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH



NGÓN TRỎ TRÁI

Sọc thẳng d2cm c1cm
trên sạp dấu lông
mày phải.

Ngày 1 tháng 01 năm 1971.

KI/CHỦY QUẢN TÀI CHÍNH CÔNG AN



NGÓN TRỎ PHẢI



Đại



Nguyễn Đình Khang -
sinh: 15-04-1929



Dương Thị Lương
sinh: 15-04-1936



Nguyễn Thị Hải Đường



Nguyễn Đình Khuê



Nguyễn Thị Hồng Cúc



Nguyễn Trung Sơn



Nguyễn Thị Thu Thủy.

Chợ Th!

Cửa TNET 0000000000

7/90. và còn xin can

hợp đs HO -
15291

COMPUTERIZED

Chợ BNL
Chợ Thuan
Đi đi nghỉ

Chợ BNL
Nhưng đến khi nào chúng
tên Mỹ -

Chợ BNL
Chợ BNL
Nhưng chúng
đến Mỹ
và đến
thủ tục
đoàn tụ -

from: số 67/11 Bui Đình Túy - phường 12.
quận Bình Thạnh - Hồ Chí Minh City.
Bà: Dương Thị Lương.

PAR AVION



OCT 1 2 1990

to: Families of Vietnamese
political prisoners association.

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA.

22205 - 0635.

USA